

Đông Hải, ngày 09 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG **NĂM HỌC 2025 – 2026**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT);

Công văn số 4555/BGDĐT-GDTH ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDTH ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Thực hiện TT Số: 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/05/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục Quốc phòng và An ninh trong trường Tiểu học, Trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Thực hiện Công văn 909/BGDĐT- GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học; Công văn 3899/ /BGDĐT- GDTH của Bộ hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở tiểu học;

Thực hiện Căn cứ Công văn số 4060/BGDĐT-GDTH ngày 17/7/2025; công văn số 6445/VP-VX ngày 22/7/2025 của UBND thành phố Hải Phòng V/v tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026;

Thực hiện Căn cứ Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học;

Thực hiện Công văn số 5954/SGDĐT-GDTH ngày 26/8/2025 của SởGD&ĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026;

Thực hiện Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 8/9/2025 của UBND phường Đông Hải về Triển khai công tác Giáo dục và Đào tạo năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Kết quả giáo dục năm học 2024 - 2025 và tình hình thực tế của nhà trường, trường Tiểu học Đông Hải 1 xây dựng kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2025 – 2026 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

1.1. Thời cơ

- Phường Đông Hải là đơn vị hành chính mới được thành lập sau khi thực hiện chính quyền hai cấp. Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường, cùng với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành, sự đồng lòng, quyết tâm của Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của phường trong thời gian qua đạt nhiều kết quả quan trọng.

- Phát triển Kinh tế - xã hội của phường tăng trưởng đều. Giá cả của một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu trên địa bàn phường ổn định. Thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn không có diễn biến bất thường, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu đáp ứng đầy đủ và không bị khan hiếm về số lượng, không tăng giá đột biến

- Trường Tiểu học Đông Hải 1 có quy mô trường lớp lớn. Chất lượng giáo dục toàn diện ổn định; Chất lượng học sinh mũi nhọn đạt thành tích cao; Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học được củng cố và giữ vững đạt chuẩn PCGDTH mức độ 2, XMC mức 3. Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, đã có nhiều chính sách tích cực nhằm phát triển giáo dục trên địa bàn, đầu tư trang thiết bị dạy học để GV và HS yên tâm công tác và học tập.

- Ban đại diện CMHS luôn sát cánh và ủng hộ nhiệt tình về mặt tinh thần đối với các phong trào của nhà trường.

1.2. Thách thức

- Trường nằm trên địa bàn khu dân cư nhiều lao động tự do, nhiều hộ cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt của nhà trường còn nhiều, sự quan tâm đến HS còn hạn chế.

- Quỹ đất của nhà trường hạn chế, sân chơi hẹp, cơ hội chổng tầng tầng phòng học không có. Tuyến đường Bùi Thị Từ Nhiên dẫn vào trường không rộng, lượng học sinh tương đối lớn luôn có nguy cơ ùn tắc giao thông khu vực cổng trường nhất là vào những giờ cao điểm.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 – 2026 :

2.1. Lớp học, học sinh:

Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5			Toàn trường		
Số lớp	Số HS	HS nữ	Số lớp	Số HS	HS nữ	Số lớp	Số HS	HS nữ	Số lớp	Số HS	HS nữ	Số lớp	Số HS	HS nữ	Số lớp	Số HS	HS nữ
9	418	200	9	377	177	9	347	170	8	339	161	8	393	202	43	1874	911

- Số học sinh khuyết tật 6 HS (Nữ :3 HS)
- Số lớp học sinh học 2 buổi/ngày: 35 lớp với 1479 HS đạt 79%
- Tỷ lệ học sinh/lớp : 43,5 HS
- Học sinh ngoan, ý thức nề nếp, học tập tốt. Tích cực tham gia vào các phong trào học tập và các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Chất lượng học tập của học sinh luôn trong топ đầu khẳng định được thương hiệu của nhà trường, tạo niềm tin trong tập thể sư phạm và sự tín nhiệm trong phụ huynh, nhân dân địa phương.
- Học sinh được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học đạt 100% HS được xếp loại Tốt, đạt về năng lực và phẩm chất; 100% học sinh lớp 5 được xét hoàn thành chương trình bậc Tiểu học; Học sinh được khen thưởng hàng năm đạt từ 60,8% trở lên. Đặc biệt chất lượng đào tạo bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu những năm gần đây, nhà trường đã có bước tiến khởi sắc và khẳng định ở vị trí của mình.

* *Khó khăn:*

- Học sinh có hoàn cảnh khó khăn còn nhiều ($55/1872 = 2,9\%$).
- Nhiều học sinh chưa có động cơ học tập (thể hiện qua việc học, chuẩn bị bài, chuyên cần,...), học sinh học tập với tâm thế bị động, không quan tâm đến kết quả học tập.
- Khối 5 học sinh chưa được học 2 buổi/ ngày nên điều kiện tham gia đầy đủ các hoạt động để phát triển về năng lực, phẩm chất còn hạn chế.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý.

- Tổng số CBGVNV: 76 người thiếu 03 người so với chỉ tiêu giao. Trong đó biên chế: 66; hợp đồng: 10) gồm:
 - + Cán bộ quản lý: 03;
 - + TPT Đội: 01;
 - + Tổng số giáo viên: 70 (GV văn hóa: 61, GV bộ môn: 11 gồm 2 GV Âm nhạc; 2 GV Mỹ thuật; 6 GV ngoại ngữ; 1 GV Tin học.
 - + Nhân viên: 02 (BC: 1; HĐ: 1), trong đó: Kế toán : 01; TV-TB: 01
 - + Trình độ: Thạc sĩ: 8 = 10,5%; Đại học: 66 = 86,9% ; Cao đẳng: 2 = 2,6% (2 đ/c GV cao đẳng sẽ nghỉ hưu tháng 10, tháng 11 /2025)
 - Đảng viên: 49 đ/c - Trình độ: Trung cấp: 05

- Lao công bảo vệ: 4 người (HĐ theo NĐ 68)

* Thuận lợi

- CB, GV, NV luôn có tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cơ quan đơn vị phụ trách.

- BGH nhiệt tình, tâm huyết, có sáng tạo, chỉ đạo quyết liệt trong công việc, có kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, cụ thể và có tính khả thi.

- Đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên đại đa số là trẻ, nhiệt tình, tâm huyết, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, sẵn sàng tham gia các hoạt động và các phong trào đoàn thể.

- Tập thể có nhiều thành tích trong học tập, giảng dạy. Trình độ năng lực chuyên môn của đội ngũ ngày càng phát triển, có nhiều triển vọng nâng cao năng lực thể hiện rõ qua kết quả hoạt động trong từng kỳ thi như giáo viên dạy giỏi, chữ viết đẹp của giáo viên.

- Phần lớn giáo viên nhà trường đều có tư tưởng cầu thị, tích cực tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đổi mới phương pháp dạy học, tiếp cận cái mới.

* Khó khăn

- Số lượng giáo viên giỏi các cấp về môn chuyên biệt còn ít chủ yếu mới chỉ là môn Tiếng Anh, nhà trường chưa có giáo viên dạy giỏi cấp thành phố cho những môn Tin học; Mỹ thuật; giáo dục thể chất..

- Một số giáo viên trẻ chưa thực sự có kinh nghiệm, chưa mạnh dạn và chắc chắn trong chuyên môn nên tầm ảnh hưởng và tính lan tỏa với đồng nghiệp và phụ huynh chưa nhiều.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Phòng học: Tổng số 38 phòng, trong đó phòng học văn hóa: 37 phòng; 1 phòng; Phòng học tin: 1 phòng.

+ Phòng chức năng: 1 phòng Hiệu trưởng, 2 phòng Phó Hiệu trưởng, 1 phòng y tế, 1 phòng Hội trường; 1 phòng Thiết Bị, 1 phòng Đội- truyền thống ; 1 phòng kế toán.

+ Bàn ghế học sinh: Tổng số: 826 bộ, trong đó đạt chuẩn 826 bộ

+ 100 % phòng học và phòng chức năng được trang bị có đủ bàn ghế giáo viên, bảng lớp, các phòng học đều có lắp đặt ti vi, máy vi tính. Máy soi: 01 chiếc, máy chiếu vật thể (phòng học TM), Trường trang bị 5 chiếc máy in.

+ Tổng diện tích khuôn viên trường: 3.513 m², trong đó diện tích sân chơi 871,5 m², có đầy đủ công trình vệ sinh và nguồn nước cho sinh hoạt. Cảnh quan khuôn viên đảm bảo xanh - sạch - an toàn. Trường không có sân tập.

**Khó khăn*: Thiếu phòng học để tổ chức cho học sinh học 2 buổi/ngày đối với lớp 5. Năng lực chuyên môn của giáo viên chưa thật đồng đều; chưa sáng tạo

trong đổi mới phương pháp dạy học.

- Vẫn còn thiếu một số phòng chức năng như: phòng truyền thống; phòng học STEM; phòng nghệ thuật, phòng Khoa học – công nghệ.....

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Mục tiêu chung

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT); nâng tỷ lệ dạy học 2 buổi/ngày; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

2. Bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý, tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; phát huy năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai.

4. củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới trong công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền, tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội cấp phường với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

6. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện, bình đẳng, kỷ cương; nâng cao chất lượng giáo dục; cán bộ, giáo viên tích cực, sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi để 100 % học sinh Trường tiểu học Đông Hải 1 tham gia tốt các hoạt động trải nghiệm, các hoạt động ngoài giờ lên lớp do nhà trường tổ chức, có cơ hội học tập, phát triển năng lực và phẩm chất, yêu thích đi học, cảm nhận mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Công tác phổ cập

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1.
- Không có học sinh bỏ học, hạn chế học sinh lưu ban.
- Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, XMC mức độ 3.

2.2. Đội ngũ giáo viên

- 100% CBQL, GV, NV tham gia bồi dưỡng tư tưởng chính trị, thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; Chỉ thị số 1737/CTBGDDT ngày 07/5/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý đạo đức nhà giáo.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc quy định về đạo đức nhà giáo, quy tắc ứng xử trong trường học.

- 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc đúng quy chế chuyên môn, qui định về dạy thêm - học thêm và các khoản thu trong năm học.

- 100% CB-GV triển khai thực hiện hiệu quả chương trình thay sách giáo khoa, rà soát, điều chỉnh ngữ liệu của bài học/chủ đề trong sách giáo khoa để phù hợp với thực tiễn sắp xếp địa giới hành chính và chính quyền địa phương hai cấp.

- 100% GV tham gia thi GV dạy giỏi các cấp được công nhận.

- Có ít nhất 11 sáng kiến cấp Phường xếp loại B trở lên, trong đó có ít nhất 02 sáng kiến xếp loại A.

- 100% GV dự thi GV giỏi cấp thành phố đều được công nhận GV giỏi.

- 100% CBQL, giáo viên thực hiện nghiêm túc việc đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả đánh giá Đánh giá xếp loại CBQL theo chuẩn HT tốt; chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học: Tốt: 52%; Khá: 48%. Không có GV xếp loại chưa đạt.

- 100% các khối thực hiện tối thiểu 04 bài học STEM/khối/năm học.

- Kết nạp Đảng viên: từ 03-05 Đảng viên.

- Phân đầu đến tháng 12/2025, 100% GV đạt chuẩn về trình độ đào tạo (theo Luật giáo dục 2019). Có ít nhất 01 GV tham gia lớp học thạc sĩ (*Thạc sĩ văn hóa Tiểu học*) trong năm học.

- 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc việc bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng chuẩn, đạt chuẩn và chức danh nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Chất lượng giáo dục học sinh.

* Chất lượng giáo dục Học sinh đại trà: Đánh giá theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT đối với lớp 1; 2; 3; 4; 5: (*Cụ thể tại phụ lục 0.1*)

- 100% HS được đánh giá Tốt và Đạt về Phẩm chất, Năng lực.
- 100% HS được đánh giá Hoàn thành tốt, Hoàn thành đối với từng môn học và Hoạt động giáo dục.

- Khen thưởng: 60%- 65% HS xuất sắc; 20%-25% HS tiêu biểu;
- 100% học sinh lớp 1; 2; 3; 4 hoàn thành chương trình lớp học và 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học.

* Chất lượng HS mũi nhọn: Tham gia các cuộc giao lưu HS năng khiếu ở các cấp đều đạt giải, cụ thể: Từ 120 giải các cấp trở lên.

=> Trường phấn đấu nằm ở vị trí tốp đầu (Đứng ở vị trí thứ 1) khối các trường Tiểu học trong phường Đông Hải về công tác Bồi dưỡng HSG, HS năng khiếu.

- 100% học sinh khối 1, khối 2, khối 3, khối 4 được học 2 buổi/ngày với thời lượng 10 buổi/tuần. 100% học sinh các khối 3; 4; 5 học môn Tin học. 100% học sinh từ khối 1 đến khối 5 học môn Tiếng Anh.

- 100% học sinh biết yêu thương đoàn kết, biết giúp đỡ bạn bè, biết chăm sóc môi trường xanh, sạch đẹp và có các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- Đảm bảo thực hiện giáo dục hòa nhập cho 11 học sinh khuyết tật của trường (06 em có hồ sơ), những học sinh còn gặp khó khăn trong học tập được hỗ trợ để đạt yêu cầu.

- Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, huy động 100% học sinh tham gia đạt kết quả tốt.

Phụ lục 0.1. Về năng lực, phẩm chất của học sinh từng khối lớp.

- Khối 1; khối 2: 795 HS

* Các môn học và hoạt động giáo dục

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
Tiếng Việt	623	78,3	172	21,7	0	0
Toán	629	79,0	166	21,0	0	0
Đạo đức	637	80,1	158	19,9	0	0
TNXH	629	79,3	166	20,7	0	0
GD thể chất	637	79,9	159	20,1	0	0
HD trải nghiệm	633	79,5	162	20,5	0	0
Mỹ thuật	628	78,9	167	21,1	0	0

Âm nhạc	624	78,4	171	21,6	0	0
Tiếng Anh	627	78,7	169	21,3	0	0
Trung bình		79,1		20,9		

*** Phẩm chất chủ yếu**

Mức đạt được	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Yêu nước	714	89,8	81	10,2	0	0
Nhân ái	713	89,6	82	10,4	0	0
Chăm chỉ	679	85,7	116	14,3	0	0
Trung thực	717	90,5	78	9,5	0	0
Trách nhiệm	686	86,2	109	13,8	0	0
Trung bình		88,4		11,6		

*** Năng lực cốt lõi**

Mức đạt được		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	639	79,9	159	20,1	0	0
	Giao tiếp và hợp tác	637	80,1	158	19,9	0	0
	GQ vấn đề và sáng tạo	627	79,2	168	20,8	0	0
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	632	79,8	163	20,2	0	0
	Tính toán	630	79,5	165	20,5	0	0
	Khoa học	635	79,8	160	20,2	0	0
	Thẩm mỹ	634	79,7	161	20,3	0	0
	Thể chất	637	80,4	158	19,6	0	0
Trung bình				79,8		20,2	

*** Khen thưởng**

HS Xuất sắc		HS Tiêu biểu		Khen đột xuất	
SL	TL	SL	TL	SL	TL
539	67,8	61	7,7	12	1.5

- Khối 3: 347 HS

* Các môn học và hoạt động giáo dục

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tiếng Việt	246	70,9	101	29,1	246	70,9
Toán	256	73,8	91	26,2	256	73,8
Đạo đức	306	88,2	41	11,8	306	88,2
TNXH	291	83,9	56	16,1	291	83,9
Công nghệ	283	81,6	64	18,4	283	81,6
GD thể chất	308	88,8	39	11,2	308	88,8
HD trải nghiệm	283	81,6	64	18,4	283	81,6
Mỹ thuật	301	86,7	46	13,3	301	86,7
Âm nhạc	301	86,7	46	13,3	301	86,7
Tin học	283	81,6	64	18,4	283	81,6
Tiếng Anh	251	72,3	96	27,7	251	72,3
Trung bình		81,5		18,5		81,5

*** Phẩm chất chủ yếu**

Mức đạt được	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Yêu nước	347	100	0	0	0	0
Nhân ái	342	98,6	5	1,4	0	0
Chăm chỉ	292	84,1	55	15,9	0	0
Trung thực	337	97,1	10	2,9	0	0
Trách nhiệm	307	88,5	40	11,5	0	0
Trung bình		93,7		6,3	0	0

*** Năng lực cốt lõi**

Mức đạt được		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	287	82,7	60	17,3	0	0
	Giao tiếp và hợp tác	294	84,7	53	15,3	0	0
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	257	74,1	90	25,9	0	0

Mức đạt được		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	247	71,2	100	28,8	0	0
	Tính toán	259	74,6	88	25,4	0	0
	Khoa học	289	82,8	60	17,2	0	0
	Công nghệ (L3)	284	81,8	63	18,2	0	0
	Tin học (L3)	284	81,8	63	18,2	0	0
	Thẩm mỹ	300	86,5	47	13,5	0	0
	Thể chất	309	89,0	38	11,0	0	0
Trung bình			80,9		19,1	0	0

*** Khen thưởng**

HS Xuất sắc		HS Tiêu biểu		Khen đột xuất	
SL	TL	SL	TL	SL	TL
220	63,4	60	17,3	5	1,4

- Khối 4, 5: 732

*** Các môn học và hoạt động giáo dục**

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tiếng Việt	523	71,3	210	28,7	0	0
Toán	503	68,5	230	31,5	0	0
Đạo đức	576	78,5	157	21,5	0	0
Khoa học	548	74,7	185	25,3	0	0
LS-ĐL	548	74,7	185	25,3	0	0
Công nghệ	558	76,1	175	23,9	0	0
GDTC	568	77,4	165	22,6	0	0
Mỹ thuật	546	74,4	187	25,6	0	0
Âm nhạc	509	69,6	224	30,4	0	0

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tiếng Anh	524	71,7	209	28,3	0	0
Tin học	547	74,8	186	25,2	0	0
Trung bình		73,8		26,2	0	0

*** Phẩm chất chủ yếu**

Mức đạt được	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Yêu nước	696	94,9	37	5,1	0	0
Nhân ái	678	92,7	55	7,3	0	0
Chăm chỉ	605	82,5	128	17,5	0	0
Trung thực	655	89,3	78	10,7	0	0
Trách nhiệm	605	82,5	128	17,5	0	0
Trung bình		88,4		11,6	0	0

*** Năng lực cốt lõi**

Mức đạt được		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	633	86,3	100	13,7	0	0
	Giao tiếp và hợp tác	613	83,6	120	16,4	0	0
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	563	76,7	170	23,3	0	0
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	558	76,1	175	23,9	0	0
	Tính toán	569	77,6	164	22,4	0	0
	Khoa học	566	77,2	167	22,8	0	0
	Công nghệ	585	79,8	148	20,2	0	0
	Tin học	588	80,2	145	19,8	0	0
	Thẩm mỹ	552	75,2	181	24,8	0	0
	Thể chất	588	80,2	145	19,8	0	0
Trung bình			79,3		20,7		0

*** Khen thưởng**

HS Xuất sắc		HS Tiêu biểu		Khen đột xuất	
SL	TL	SL	TL	SL	TL
476	65,1	208	28,5	14	1,9

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC.**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục***(Phụ lục 1.1)*

- Khối lớp 1, 2, 3, 4, 5: thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình giáo dục phổ thông 2018).

2. Các hoạt động giáo dục tập thể theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học *(Phụ lục 1.2)*

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường *(Phụ lục 1.3)*

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND Thành phố về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng.

Cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

- Ngày tựu trường: + Đối với khối lớp 1: Thứ Hai, ngày 25/8/2025
- + Đối với khối lớp 2-3-4-5: Thứ Hai, ngày 29/8/2025
- Ngày khai giảng: 7h 30 ngày 05/9/2025.
- Học kỳ I: Từ ngày 08/9/2025 đến ngày 09/01/2026. (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Học kỳ II: Từ ngày 12/01/2026 đến ngày 22/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Thời điểm kết thúc năm học: Trước ngày 31/5/2026.
- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 30/6/2026.
- Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp trước ngày 31/7/2026.
- Báo cáo tình hình chuẩn bị năm học và tình hình tổ chức khai giảng năm học 2025 - 2026 trước ngày 10/9/2025.
- Báo cáo sơ kết học kỳ I trước ngày 31/01/2026.
- Báo cáo tổng kết năm học 2025 - 2026, báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua và đề nghị xét khen thưởng năm học trước ngày 25/6/2026./.
- Sinh hoạt chuyên môn toàn trường 1 lần/tháng (Tổ chức vào đầu tháng

cùng với họp hội đồng)

- Sinh hoạt tổ chuyên môn 2 lần/ tháng (vào 1 buổi theo đặc thù của khối/ tuần 2 và tuần 3 của tháng):

- Các ngày nghỉ lễ trong năm học: (*Quốc khánh, Tết dương lịch, Tết nguyên đán, Ngày giỗ tổ Hùng Vương; Giải phóng miền Nam; Quốc tế Lao động*) hoặc các ngày nghỉ khác do thiên tai bất khả kháng. Linh trùng vào các ngày học thì nhà trường có kế hoạch dạy-học bù. Thời gian bù: trước, trong, sau tuần có ngày phải nghỉ học.

*** Thời gian biểu hàng ngày của nhà trường thực hiện như sau:**

Hoạt động	Sáng	Hoạt động	Chiều
Trống báo	7 giờ 15 phút	Trống báo	13 giờ 45 phút
Học tiết 1	7 giờ 30 phút - 8 giờ 5 phút	Học tiết 1	14 giờ 00 phút - 14 giờ 35 phút
Học tiết 2	8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	Học tiết 2	14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút
Ra chơi	8 giờ 45 phút - 9 giờ 0 phút	Ra chơi	15 giờ 15 phút - 15 giờ 30 phút
Học tiết 3	9 giờ 0 phút - 9 giờ 35 phút	Học tiết 3	15 giờ 30 phút - 16 giờ 5 phút
Học tiết 4	9 giờ 40 phút - 10 giờ 15 phút	Các HĐ NG học chính thức	16 giờ 5 phút - 16 giờ 40 phút
Học tiết 5	10 giờ 20 phút - 10 giờ 55 phút	Các HĐ NG học chính thức	16 giờ 40 phút - 17 giờ 15 phút
Tan học	10 giờ 55 phút	Tan học	17 giờ 15 phút

- Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học 2025 – 2026 có các ngày nghỉ lễ cần phải điều chỉnh kế hoạch dạy học: (*Quốc khánh, Tết dương lịch, Tết nguyên đán, Ngày giỗ tổ Hùng Vương; Giải phóng miền nam; Quốc tế lao động*) hoặc các ngày nghỉ khác do thiên tai bất khả kháng. Linh trùng vào các ngày học thì nhà trường có kế hoạch dạy-học bù. Thời gian bù: trước, trong, sau tuần có ngày phải nghỉ học.

STT	THỜI GIAN	HOẠT ĐỘNG	THỜI LƯỢNG	ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN	ĐIỀU CHỈNH
1	Thứ 6 03/10/2025	Hội nghị Viên chức, NLĐ	01 buổi	Học sinh toàn trường nghỉ học	01 buổi học
2	Thứ 4 05/11/2025	Kiểm tra GK1 Khối 4, 5	03 tiết	Khối 4, 5 kiểm tra	05 tiết khối 4,5.

STT	THỜI GIAN	HOẠT ĐỘNG	THỜI LƯỢNG	ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN	ĐIỀU CHỈNH
3	Thứ 5 20/11/2025	Nghỉ kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam	01 ngày	Học sinh toàn trường nghỉ học	01 buổi học
4	Thứ 5 01/01/2026	Nghỉ Tết dương lịch	01 ngày	Học sinh toàn trường nghỉ học	01 buổi học
5	Thứ 5 08/01/2026	Kiểm tra cuối học kì 1	01 buổi	Học sinh toàn trường nghỉ học	01 buổi học
6	Thứ 5 26/3/2026	Kiểm tra GK2 Khối 4,5	03 tiết	Khối 4, 5 kiểm tra	05 tiết khối 4,5.
7	Thứ 2 27/4/2026	Nghỉ Giỗ Tổ Hùng Vương	01 ngày	Học sinh toàn trường nghỉ học	01 buổi học
8	Thứ 5, 6 30/4/2026, 01/5/2026	Nghỉ lễ Giải phóng miền Nam và Quốc tế LĐ (học ôn trong 2 ngày: 28, 29/4)	02 ngày	Học sinh toàn trường nghỉ học	02 buổi học
9	Thứ 4,5 13/05/2026 14/05/2026	Kiểm tra cuối học kì 2	02 buổi	Học sinh toàn trường nghỉ học	02 buổi học

Căn cứ vào tình hình thực tế, trường tiểu học Đông Hải 1 xây dựng khung thời gian cụ thể theo tuần và phân bổ số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục theo tuần năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

3.1. Khối lớp 1,2,3,4 tổ chức dạy 2 buổi/ ngày, 10 buổi/ tuần, mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết 35 phút. Khối lớp 5 tổ chức dạy 7 buổi/ tuần, mỗi tiết 35 phút
Cụ thể:

Khối	Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện trong năm học cụ thể theo tuần	Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục
1	Phụ lục 1a và phụ lục 1.4.1	Phụ lục 2.1
2	Phụ lục 1b và phụ lục 1.4.2	Phụ lục 2.2
3	Phụ lục 1c và phụ lục 1.4.3	Phụ lục 2.3
4	Phụ lục 1d và phụ lục 1.4.4	Phụ lục 2.4
5	Phụ lục 1e và phụ lục 1.4.5	Phụ lục 2.5

3.2. Kế hoạch tổ chức các chuyên đề chuyên môn.

Khối	Tên chuyên đề	Môn/ HĐGD	Thời gian	Ghi chú
1	Dạy học phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS lớp Một thông qua giờ học văn môn Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tháng 12	Chuyên đề cấp CùM
	Tích hợp GD lý tưởng cách mạng đạo đức lối sống trong giờ hoạt động trải nghiệm nhằm bồi dưỡng phát triển phẩm chất yêu nước cho HS lớp Một	HĐTN	Tháng 1	Chuyên đề cấp Trường
2	Phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS lớp 2 qua hoạt động Nói và nghe môn Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tháng 11	Chuyên đề cấp Trường
	Phát triển năng lực tự chăm sóc bản thân cho HS qua giờ TNXH lớp 2	TNXH	Tháng 3	Chuyên đề cấp CùM
3	Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh lớp 3 thông qua hoạt động trao đổi Em đọc sách báo.	Tiếng Việt	Tháng 9	Chuyên đề cấp Trường
	Phát triển năng lực tự đánh giá, giao tiếp và hợp tác trong HĐTN lớp 3.	HĐTN	Tháng 3	Chuyên đề cấp CùM
4	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo AI vào dạy học nhằm tạo hứng thú học tập và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho HS trong giờ dạy Toán lớp 4.	Tiếng Việt	Tháng 10	Chuyên đề cấp Trường
	Vận dụng những phương pháp tích cực và ứng dụng CNTT AI vào dạy học nhằm phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác trong môn LS&ĐL lớp 4	HĐTN	Tháng 4	Chuyên đề cấp CùM
5	Ứng dụng Công nghệ AI và sử dụng PHTM để phát triển năng lực giao tiếp của học sinh trong môn Khoa học lớp 5	Khoa học	Tháng 11	Chuyên đề cấp Trường
	Ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong dạy học môn Toán 5	Toán	Tháng 3	Chuyên đề cấp

Khối	Tên chuyên đề	Môn/ HDGD	Thời gian	Ghi chú
				Cụm
NKT C	Khám phá hình dáng lá cây qua lăng kính STEM-Môn Mỹ thuật lớp 1	Mỹ thuật	Tháng 12	Chuyên đề cấp Trường
	Tên chuyên đề: Ứng dụng đa dạng các phương pháp dạy học để tạo hứng thú cho học sinh lớp 4.	Tiếng Anh	Tháng 4	Chuyên đề cấp Cụm

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu

* Đối với BGH:

- Rà soát trang thiết bị dạy học để bổ sung kịp thời. Tăng cường thiết bị dạy học trên lớp, bổ sung bàn ghế còn thiếu tại các phòng học; trang trí lại các phòng học; nâng cấp đường điện, đường mạng Internet, máy tính, Ti vi tại các phòng học, kiên quyết không để tình trạng dạy chay, học chay.

- Tuyên truyền và vận động cha mẹ học sinh các lớp trang bị đủ đồ dùng học tập cho học sinh; nhà trường trang bị đồ dùng dạy học tối thiểu cho giáo viên theo quy định để thực hiện thành công chương trình GDPT 2018.

- Tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong các nhà trường, trong đó đảm bảo thư viện lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

- Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo hiệu quả giáo dục STEM tại nhà trường. Nhà trường cung cấp tài liệu học tập cho các khối. Chỉ đạo các khối chủ động, linh hoạt trong việc sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ <http://stemtieuhoc.edu.vn> và các nguồn học liệu khác; tổ chức lựa chọn tài liệu đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 21/2004/TT-BGDĐT ngày 07/7/2024 (nếu sử dụng).

- Làm tốt công tác tham mưu để bổ sung phòng học, trang thiết bị dạy học.

* Đối với giáo viên:

- Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường giáo dục: NT - GD – XH, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có, tăng cường thiết bị dạy học tự làm.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, phát triển và khai thác kho học liệu số của địa phương và ngành giáo dục; đẩy mạnh việc sử

dụng học liệu số hỗ trợ giáo viên trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- GV có ý thức giữ gìn trang thiết bị nhà trường và hướng dẫn HS biết bảo vệ CSVC trong lớp học và trong trường.

2. Nâng cao năng lực đội ngũ

- Rà soát cơ cấu đội ngũ, sắp xếp phân công chuyên môn phù hợp với năng lực, sở trường; tích cực tham mưu để có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về chất lượng, triển khai thực hiện tốt CTGDPT 2018.

- Chủ động ký hợp đồng giảng dạy để kịp thời bổ sung số lượng giáo viên còn thiếu theo quy định, không để việc sắp xếp, tổ chức bộ máy làm gián đoạn hoặc gây thiếu hụt đội ngũ giáo viên, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

- Tham gia tích cực các lớp bồi dưỡng thực hiện Chương trình GDPT 2018 dành cho cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán và đại trà theo phương thức bồi dưỡng trực tiếp, bồi dưỡng qua mạng; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường. Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ tại đơn vị.

- Lựa chọn, bồi dưỡng giáo viên tham gia thi cấp thành phố *(nếu được chọn)*.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ, nâng cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo; mỗi thầy giáo, cô giáo phải thực sự là tấm gương sáng cho các em học sinh noi theo.

- Tổ chức nghiêm túc, hiệu quả các cuộc giao lưu giáo viên đạt kết quả cao các cuộc thi, giao lưu giáo viên cấp thành phố.

- Thực hiện nghiêm túc đánh giá cán bộ quản lý theo chuẩn hiệu trưởng, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, trên cơ sở đó xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực để đáp ứng theo chuẩn. Đẩy mạnh tự học, tự bồi dưỡng, coi đây là biện pháp chính trong bồi dưỡng đội ngũ.

- Làm tốt công tác truyền thông đến với toàn thể PHHS về chương trình thay sách giáo khoa mới thông qua UBND phường Đông Hải, các cuộc họp cha mẹ học sinh.

- Làm tốt công tác bồi dưỡng về tư tưởng chính trị, đạo đức cho CB-GV gắn với việc triển khai thực hiện tốt các cuộc vận động trong ngành giáo dục.

- Triển khai cho CB-GV học tập, bồi dưỡng về các văn bản pháp luật có liên quan đến ngành: Luật Giáo dục, Luật CBCC, Luật Lao động, các văn bản quy định về dạy thêm, học thêm...

- Triển khai công tác bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) theo hướng dẫn tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 và Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức tốt các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ: luyện chữ viết đẹp, nâng cao kỹ thuật dạy học, dạy học kỹ năng sống, nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin...

- Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn, khuyến khích giáo viên tham gia sinh hoạt chuyên môn trực tuyến. Tiếp tục tổ chức hiệu quả SHCM theo công văn 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Phát huy mạng lưới sư phạm, góp ý xây dựng những tiết dạy chuẩn, lên chuyên đề toàn trường cũng như các tiết dạy tham gia dự thi giáo viên dạy giỏi các cấp.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, 100% GV được kiểm tra trong năm: dự giờ báo trước hoặc đột xuất, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra chất lượng học sinh.

- Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, động viên CB-GV phát huy thế mạnh để hoàn thành nhiệm vụ.

- Luân chuyển một số giáo viên dạy các khối lớp, tiến tới giáo viên dạy được toàn cấp.

- Tạo điều kiện để tất cả GV được tham gia các đợt tập huấn nâng cao năng lực tổ chức dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

3. Tăng cường các hoạt động nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn.

- Tổ chức cho GV học tập, nghiên cứu các văn bản nghị quyết có liên quan tới công tác chuyên môn.

- Chỉ đạo giáo viên có đủ hồ sơ chuyên môn theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 về việc Ban hành Điều lệ trường Tiểu học.

- Chỉ đạo các tổ, khối chuyên môn sinh hoạt chuyên môn theo chỉ đạo theo công văn 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Chỉ đạo các tổ, khối chuyên môn thực hiện nghiêm túc, tham gia tích cực đầy đủ thành phần theo kế hoạch sinh hoạt chuyên môn của Sở GD&ĐT về thực hiện chuyên đề cụm trường, sinh hoạt chuyên môn năm học 2025-2026.

- Tổ chức cho các khối thảo luận, đăng kí lên lớp chuyên đề tập trung vào các nội dung chuyên môn trọng tâm của năm học: dạy học theo hướng phát triển năng lực cho học sinh; đổi mới PPDH, SHCM theo hướng nghiên cứu nội dung bài học, dạy học sách giáo khoa lớp 1, 2, 3, 4, 5 theo CT GDPT 2018; dạy học có nội dung lồng ghép GDĐP, dạy học STEM, dạy học gắn với hoạt động trải nghiệm, sử dụng đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại; vận dụng các thành tố tích cực của mô hình dạy học tiên tiến để thực hiện đổi mới cách thức các hoạt động giáo dục đảm bảo nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, đồng thời từng bước thực hiện định hướng phát

triển phẩm chất, năng lực cho học sinh. Thực hiện có hiệu quả dạy lồng ghép GD KNS, phòng chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, giáo dục ATGT, giáo dục QPAN, GD Quyền con người, phòng chống dịch bệnh ...

- Định hướng rõ nội dung SHCM các khối lớp cần tập trung: Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; đánh giá học sinh theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT. Cụ thể: Thống nhất rõ nội dung cần điều chỉnh, hình thức tổ chức, phân

công lên lớp với nội dung bài dạy và thời gian lên lớp cụ thể.

- Thực hiện nghiêm túc quy định về SHCM: cấp trường: 1 lần/ tháng; tổ, khối: 2 lần / tháng

- Dự giờ: Giáo viên: dự 1 tiết/ tuần (bố trí thời gian hợp lí, không bỏ giờ dạy đi dự giờ)

4. Nâng cao hiệu quả thực hiện phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh

*** Đối với BGH:**

+ *Chỉ đạo thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học*

- Chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, tăng cường năng lực tự học, trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, hướng học sinh phát huy năng lực tư duy giải quyết vấn đề; thực hiện hiệu quả việc lựa chọn linh hoạt, phù hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trên cơ sở đặc điểm nội dung bài học, yêu cầu cần đạt của chương trình và đối tượng học sinh; phát huy vai trò của giáo viên trong việc tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh chủ động, tích cực, tự giác và phát triển năng lực tự học trong suốt quá trình học tập. Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh..

- Xây dựng thời khóa biểu học 2 buổi/ ngày đúng quy định, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Chủ động bồi dưỡng, phát triển năng lực cho giáo viên trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học.

- Chủ động xây dựng các kịch bản, phương án tổ chức dạy học trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh hoặc các tình huống bất thường, bảo đảm duy trì hoạt động giáo dục liên tục, không gián đoạn, hướng đến mục tiêu “giáo dục trong mọi hoàn cảnh”.

+ *Chỉ đạo thực hiện nội dung Giáo dục địa phương*

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 3063/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực dạy hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học và Quyết định số 1395/SGDĐT-GDTH-CN&ĐH ngày 30/9/2020 của Sở GD&ĐT về Chương trình giáo dục địa phương cấp tiểu học. Quyết định số 09/QĐ-BGDĐT ngày 04/01/2022 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1492/QĐ-BGDĐT ngày 07/6/2022 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 2 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1532/QĐ-BGDĐT ngày 31/5/2023 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 3 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1281/QĐ-BGDĐT ngày 26/4/2024 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1184/QĐ-BGDĐT của Bộ GDĐT ngày 29/4/2025 phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hải Phòng - Lớp 5 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

- Chỉ đạo lớp 1, 2, 3 căn cứ tài liệu Giáo dục địa phương của thành phố với 5 chủ đề (lớp 4 với 6 chủ đề), chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép thể hiện trong Kế hoạch dạy học các môn học và Hoạt động giáo dục.

- Đối với lớp 4, lớp 5: Tổ chức dạy học mạch nội dung “Địa phương em” đảm bảo yêu cầu cần đạt được quy định tại Chương trình môn Lịch sử & Địa lí lớp 4 trong Chương trình GDPT 2018. Việc tổ chức dạy học nội dung “Địa phương em” là yêu cầu bắt buộc, tương đương như các mạch nội dung khác trong Chương trình môn Lịch sử & Địa lí lớp 4. Nội dung “Địa phương em” gồm 2 chủ đề “Thiên nhiên và con người địa phương” và “Lịch sử và văn hóa truyền thống địa phương”, chiếm thời lượng 6% trong tổng thời lượng 70 tiết/năm học của môn Lịch sử & Địa lí lớp 4.

- Chỉ đạo giáo viên thực hiện kế hoạch, lồng ghép, tích hợp nội dung Giáo dục địa phương vào chương trình các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lí, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp, đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh khi thực hiện.

- Chỉ đạo tổ chuyên môn hướng dẫn giáo viên chủ động rà soát, điều chỉnh ngữ liệu bài học/chủ đề trong sách giáo khoa theo Công văn số 4060/BGDĐT-GDPT ngày 17/7/2025 của Bộ GDĐT về việc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025-2026 để phù hợp với thực tiễn sắp xếp địa giới hành chính và chính quyền địa phương hai cấp. Đối với môn học Lịch sử và Địa lí lớp 4, lớp 5, giáo viên

chủ động điều chỉnh những ngữ liệu liên quan đến địa giới hành chính và chính quyền địa phương hai cấp cho đến khi Bộ GD&ĐT hoàn thiện các bước chỉnh sửa chương trình môn học làm căn cứ để thực hiện chỉnh sửa sách giáo khoa.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể có lồng ghép nội dung giáo dục địa phương (nếu có thể) sao cho phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện việc tổ chức cho học sinh từ khối 1 đến khối 5 (hình thức đi thực hành trải nghiệm, tìm hiểu về lịch sử, văn hóa Hải Phòng (Dự kiến tháng 3, 4/ 2026).

+ *Chỉ đạo thực hiện nội dung Giáo dục STEM*

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 909/BGD&ĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT; Kế hoạch số 62/KH-SGD&ĐT ngày 08/5/2023 của Sở GD&ĐT về việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục STEM cấp tiểu học từ năm học 2023-2024 và các nội dung được học tập qua các đợt tập huấn của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, nhà trường triển khai nội dung giáo dục STEM qua hình thức Bài học STEM đối với học sinh từ khối 1 đến khối 5.

- Chỉ đạo các khối, các nhóm chuyên môn nghiên cứu xây dựng các chủ đề cho bài học STEM, đảm bảo yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018 (đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5).

- Chỉ đạo các khối lựa chọn Bài học STEM thực hiện trong năm học (tối thiểu 03 bài/ năm học), thể hiện nội dung điều chỉnh trong Kế hoạch dạy học các môn học và HĐGD. Kế hoạch bài dạy được thiết kế theo khung Bài học STEM.

- Tổ chức chuyên đề cấp trường có nội dung giáo dục STEM (Tháng 12 – Tổ NKTC - Bài học STEM - Mức 1)

- Chỉ đạo các khối, nhóm đưa nội dung giáo dục STEM vào sinh hoạt chuyên môn khối, nhóm chuyên môn.

- Chỉ đạo các lớp bố trí, sắp xếp “Góc sáng tạo STEM” để trưng bày sản phẩm STEM của học sinh tại lớp.

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối chuyên môn trong trường và tham gia SHCM cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học...

+ *Chỉ đạo thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá học sinh*

- Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 theo Thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về đánh giá học sinh trong CTGDPT theo quy định, chú trọng đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đảm bảo đánh giá vì sự tiến bộ của người học, gắn với yêu cầu cần đạt của chương trình và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ nhận thức của học sinh. Khuyến khích giáo viên tích hợp linh hoạt các hình thức đánh giá

như vấn đáp, viết, thực hành, quan sát, sản phẩm học tập, bài kiểm tra trên giấy hoặc trực tuyến, nhằm phản ánh toàn diện quá trình học tập và kết quả rèn luyện của học sinh.

- Tăng cường đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập, hoạt động nhóm,...; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ với các hình thức phù hợp. Các hoạt động đánh giá cần được thiết kế có mục tiêu rõ ràng, tiêu chí cụ thể, hướng dẫn chấm điểm minh bạch, thông báo trước về yêu cầu và hình thức thực hiện để học sinh chủ động tham gia. Đồng thời, chú trọng đánh giá các nội dung giáo dục tích hợp về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, an toàn giao thông, quyền con người... nhằm hình thành, phát triển năng lực công dân, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá; phát triển kho học liệu số, học liệu mở; triển khai hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nhà trường, học bạ số, hồ sơ giáo viên điện tử. Gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Chủ động tham mưu để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và tổ chức dạy học linh hoạt, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; quan tâm phát triển hạ tầng mạng, thiết

bị đầu cuối cho giáo viên và học sinh. Đẩy mạnh tổ chức các hoạt

- Ban giám hiệu trực tiếp ra đề kiểm tra định kì trên cơ sở tham khảo ma trận, đề của các tổ khối.

- Tổ chức các kì kiểm tra nghiêm túc, khách quan, đánh giá thực chất, chính xác xếp loại học lực của học sinh và chất lượng giảng dạy của giáo viên.

- Quản lý chất lượng thật của học sinh: Kết quả kiểm tra các đợt là cơ sở để bàn giao chất lượng học sinh (GV không coi và chấm lớp mình dạy, BGH kiểm tra lại việc chấm của GV).

- Cán bộ quản lý, giáo viên phải chịu trách nhiệm về việc đánh giá sai kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

- BGH duyệt sổ tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục học sinh trên Cơ sở dữ liệu ngành 2 lần/học kì.

- Đối với học sinh yếu kém, giáo viên phải chủ động kèm cặp ngay tại lớp để hạn chế tới mức thấp nhất học sinh lưu ban.

- Tổ chức kiểm tra và xét công nhận hoàn thành chương trình bậc tiểu học cho học sinh lớp 5 theo Công văn số 5276/BGD&ĐT ngày 25/5/2007 của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện và quản lý tốt việc cập nhật, sử dụng Sổ điểm điện tử, Học bạ điện tử, Học bạ số trên cơ sở dữ liệu ngành.

*** Đối với Tổ trưởng chuyên môn:**

- Chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn của khối mình theo hướng đổi mới, sáng tạo, hiệu quả. Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng chuyên môn của tổ khối mình.

*** Đối với giáo viên giảng dạy:**

- Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, tự học, phát triển năng lực học sinh, chú trọng việc nhận xét, động viên, tư vấn, tạo không khí thi đua cho học sinh trong quá trình học tập.

+ Thực hiện hiệu quả việc đánh giá HS theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ giáo dục đối với 5 khối lớp.

- Vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; đẩy mạnh giáo dục STEM và STEAM; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

- Thực hiện nghiêm túc dạy học lồng ghép, tích hợp theo chỉ đạo chuyên môn của BGH.

- Phân loại và lập danh sách các đối tượng học sinh ngay đầu năm. Trao đổi thông tin thường xuyên với gia đình học sinh qua nhiều hình thức phù hợp với tình hình thực tế.

- Nghiêm túc thực hiện quy chế chuyên môn, dạy đúng chương trình, chống dạy quá tải hoặc hạ thấp yêu cầu.

- Không giao bài tập về nhà cho HS 2 buổi/ngày.

5. Triển khai thực hiện Khung năng lực số, Học bạ số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, bảo đảm hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu của công dân số, đáp ứng yêu cầu nhân lực trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Triển khai Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ chuyển đổi số ngành giáo dục.

- Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn trong quản lý và dạy học; đẩy mạnh tự động hóa công tác hành chính, sổ sách điện tử, thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, giảm tải cho cán bộ, giáo viên. Khai thác, sử dụng hiệu quả AI trong hỗ trợ tư vấn, cá nhân hóa học tập,

nhận diện học sinh cần hỗ trợ, đánh giá chính sách góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả quản trị nhà trường.

- Thực hiện báo cáo, cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, phần mềm phổ cập giáo dục, xoá mù chữ chính xác, đúng tiến độ quy định. Khai thác, sử dụng, quản lý hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành.

- Từng bước thực hiện số hóa hồ sơ quản lý, hồ sơ giáo viên bảo đảm phù hợp, hiệu quả.

- Khai thác thông tin qua Internet hiệu quả để có tư liệu cần thiết cho công tác quản lý và giảng dạy.

- Khuyến khích giáo viên soạn giáo án điện tử, bài giảng e-learning và làm đồ dùng dạy học điện tử ở tất cả các tổ khối, ở các môn học. Phân công cụ thể cho các tổ khối. Tiếp tục bổ sung kho dữ liệu bài giảng điện tử dùng chung phục vụ công tác dạy học.

*** Phân công cụ thể**

- Tiếp tục quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị CNTT đã được trang bị cho các phòng chức năng và các phòng học: máy tính, máy chiếu, tivi... (GV tin học).

- Quan tâm đến việc ứng dụng CNTT vào các hoạt động dạy học và quản lý: nâng cấp, bảo dưỡng tu bổ, mua bổ sung các thiết bị công nghệ, sử dụng tốt các phần mềm dạy học, quản lý cán bộ và các phần mềm khác.... (BGH), Sử dụng hiệu quả các phần mềm trong quản lý và giảng dạy như: phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, Hoc10.com, hanhtrangso.nxbgd.....(GV)

- Quản lý và sử dụng tốt ngân hàng đề kiểm tra (BGH).

- Quản lý và thực hiện tốt Website của Nhà trường, nội dung thông tin phong phú, có chất lượng và tính giáo dục cao. Khai thác sử dụng thông tin trên trang chính quyền điện tử đúng quy chế, thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo (GV TPT).

- Tiếp tục triển khai việc sử dụng giáo án có ứng dụng CNTT, bài giảng E-learning trong dạy học có chất lượng (GV).

- Tích cực tham gia thiết kế đồ dùng dạy học số phục vụ giảng dạy (GV).

- Trau dồi kiến thức CNTT, sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý vào dạy học, đáp ứng từng bước chuyển đổi số trong GD&ĐT (BGH).

6. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học trong phòng chống dịch bệnh, thực hiện mục tiêu kiên trì chất lượng giáo dục.

- Chủ động chuẩn bị các kịch bản, phương án đảm bảo an toàn, phòng chống dịch bệnh theo các hình thức linh hoạt, phù hợp trong trường hợp xảy ra dịch bệnh tại địa phương. Trên cơ sở đánh giá, rút kinh nghiệm từ những năm học trước để chủ động, đề ra phương án thực hiện hiệu quả, đảm bảo duy trì mục tiêu chất lượng giáo dục.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại để có thể ứng dụng công nghệ trong quản lý và dạy học.

- Sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trực tuyến trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp; tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn... bằng hình thức trực tuyến (nếu cần).

- Chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai dạy học trực tuyến (nếu cần) đảm bảo thực hiện đúng, có chất lượng, hiệu quả, nội dung dạy học theo quy định, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn thông tin mạng.

7. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

- Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.

- Tích cực huy động trẻ khuyết tật có khả năng học tập đến trường, đảm bảo ít nhất 100% trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục hòa nhập bình đẳng, có chất lượng.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, chuyên đề nâng cao năng lực dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật của đội ngũ giáo viên.

- Đồng thời tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, phát triển năng lực cá nhân, nâng cao kỹ năng sống và sự tự tin cho học sinh, góp phần thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng.

8. Tiếp tục đổi mới trong công tác quản lý, quản trị trường học và tăng cường công tác tự kiểm tra

- Thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; thực hiện nhập liệu, khai thác, sử dụng thống nhất cơ sở dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo.

- Đẩy mạnh tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác dạy học và quản lý, bảo đảm tính lan tỏa, hiệu quả, thiết thực, phù hợp điều kiện địa phương; gắn với phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Chủ động thực hiện Kế hoạch kiểm tra nội bộ và kiểm tra giám sát của các cấp có thẩm quyền. Coi trọng công tác khắc phục sau kiểm tra để cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục tại nhà trường.

9. Công tác Đội và phong trào thiếu nhi

- Phối hợp với Đoàn thanh niên phường tích cực, chủ động, sáng tạo triển khai các chương trình, hoạt động thiết thực theo hướng dẫn của Thành Đoàn và bám sát chủ đề công tác năm học.

- Đẩy mạnh các phong trào học tập và rèn luyện cho đội viên, thiếu niên, nhi đồng và thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch năm học.

- Chú trọng công tác giáo dục truyền thống, chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh với các nội dung, hình thức phong phú gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

10. Thực hiện công tác y tế trường học

- Theo quy định tại Thông tư liên tịch 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 về công tác y tế trường học trong các cơ sở giáo dục.

- Phối hợp với Sở Y tế, các hệ thống y tế cơ sở để tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cho học sinh trong các cơ sở giáo dục.

- Đẩy mạnh thực hiện và nhân rộng mô hình bữa ăn học đường đảm bảo dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh; nâng cao nhận thức, bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho học sinh về chăm sóc sức khỏe bản thân; giáo dục lối sống lành mạnh, khoa học.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Triển khai các hệ thống văn bản chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục Nhà trường năm học 2025-2026 đến CB-GV-NV toàn trường.

- Chỉ đạo và điều hành chung mọi hoạt động giáo dục trong nhà trường, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo hướng dẫn của ngành.

- Ban hành các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Phân công lao động, giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn, kí hợp đồng liên kết với các trung tâm trong việc giảng dạy Tiếng Anh yếu tố nước ngoài.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo tổ chức các hội thi, phong trào thi đua dạy tốt học tốt trong năm học. Xây dựng kế hoạch các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường.

- Tổ chức xây dựng các tiêu chí thi đua trong năm học.

- Dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm cho GV theo kế hoạch hoặc đột xuất.

2. Phó hiệu trưởng

2.1. Phó hiệu trưởng Đinh Thị Vần

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác chuyển đổi số, công nghệ thông tin; công tác bán trú, phổ cập giáo dục; quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động chuyên môn; kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, học sinh hòa nhập, các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường Tiểu học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.

- Duyệt tất cả các hoạt động chuyên môn, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.

- Dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm cho GV khối 4, khối 5, NKTC theo kế hoạch hoặc đột xuất.

2.2. Phó hiệu trưởng Vũ Thị Thu Hà

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động ngoài giờ lên lớp, công tác chính trị tư tưởng, hoạt động Đoàn Đội, các câu lạc bộ học sinh năng khiếu, quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác dạy thêm, học thêm; cơ sở vật chất, thư viện, thiết bị.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; các câu lạc bộ, kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến HĐNG lên lớp, giáo dục đạo đức lối sống, hoạt động Đoàn Đội.

- Duyệt các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.

- Dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm cho GV khối 1, khối 2, khối 3 theo kế hoạch hoặc đột xuất.

3. Tổ, khối trưởng chuyên môn

- Tổ chức cho các thành viên trong khối nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục; Kế hoạch Sinh hoạt chuyên môn;

- Phối hợp với giáo viên khác, với các tổ chức giáo dục trong và ngoài nhà trường để cùng xây dựng các kế hoạch.

- Báo cáo kế hoạch giáo dục với lãnh đạo nhà trường để được phê duyệt.

- Tổ chức và thực hiện các kế hoạch được phê duyệt.

4. Tổng phụ trách Đội

- Phối hợp với các bộ phận tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể, hoạt động trải nghiệm thực hiện trong năm học.

- Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp tổ chức tại nhà trường.
- Thành lập các ban của Liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch điều chỉnh các môn học và hoạt động giáo dục của lớp mình.
- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Nghiên cứu nội dung các môn học và hoạt động giáo dục để tham gia xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục của tổ, khối.
- Thực hiện các kế hoạch đã được nhà trường phê duyệt.
- Đề xuất ý kiến cần điều chỉnh trong quá trình thực hiện các kế hoạch.
- Kết hợp với các tổ chức trong nhà trường: Đoàn thanh niên, Đội TNTPHCM tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề, hội thảo do các cấp tổ chức.

6. Giáo viên phụ trách môn học

- Triển khai chương trình môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, 2; Tiếng Anh bắt buộc lớp 3, 4; môn Mỹ thuật, Âm nhạc đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT 2018 và công văn số 681/ BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020.

- Tiếp tục thực hiện dạy Tiếng Anh (tự chọn), Âm nhạc, Mỹ thuật dạy theo Chương trình GDPT 2018 linh hoạt về phương pháp, phù hợp thực tiễn.

- Môn tiếng Anh dạy đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh, tập trung phát triển 2 kỹ năng nghe và nói. Đa dạng hình thức dạy và học Tiếng Anh, Tăng cường đánh giá thường xuyên, học sinh tự đánh giá, bạn đánh giá, giáo viên đánh giá...Có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước nâng cao chất lượng môn Tiếng Anh.

- Môn Tin học - Công nghệ: Thực hiện có hiệu quả việc xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Dạy đúng theo quy định trong chương trình, giúp học sinh lớp 3, 4 và lớp 5 được học Tin học - Công nghệ theo Chương trình GDPT 2018, đáp ứng sở thích, nhu cầu, phát hiện và bồi dưỡng phát triển năng lực tin học, tư duy khoa học máy tính, hình thành và nuôi dưỡng đam mê khoa học, công nghệ cho học sinh. Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục có

nội dung Tin học - Công nghệ thông tin để học sinh được tiếp cận, hình thành các kỹ năng học tập, sử dụng sáng tạo. Có trách nhiệm bảo quản và khai thác có hiệu quả phòng Tin học, phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu Tin học.

7. Nhân viên

7.1. Nhân viên phụ trách thư viện, thiết bị

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.
- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.
- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách, Ngày hội đọc sách.

7.2. Nhân viên kế toán

- Xây dựng kế hoạch thu, chi tài chính; tham mưu với Ban giám hiệu về việc đầu tư, trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, đặc biệt cho việc thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Đông Hải 1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, điều chỉnh, đề nghị các bộ phận chủ động báo cáo Hiệu trưởng để được hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH (để báo cáo);
- BGH (để chỉ đạo và tổ chức t/h);
- Các khối chuyên môn (để t/h);
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Lý

Phụ lục 1.1

Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục theo CT GDPT 2018:

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
Môn học/ hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	Tự nhiên và xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Khoa học										70	36	34	70	36	34
6	Lịch sử và Địa lý										70	36	34	70	36	34
7	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Giáo dục thể chất/Thể dục	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	Hoạt động trải nghiệm/Giáo dục tập thể	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
12	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
13	Ngoại ngữ							140	72	68	140	72	68	140	72	68
Môn học tự chọn																
1	Ngoại ngữ	70	36	34	70	36	34									
Hoạt động củng cố, tăng cường.																
1	Tiếng Việt tăng cường	70	36	34	70	36	34	35	18	17	35	18	17			
2	Toán tăng cường	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
3	Độc thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
	Tổng	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1085	558	527

Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục điều chỉnh theo điều kiện thực tiễn năm học 2025-2026:

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
Môn học/ hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	418	216	202	339	173	166	238	122	116	235	118	117	239	124	115
2	Toán	105	54	51	170	87	83	169	86	83	170	86	84	170	89	81
3	Đạo đức	34	18	16	35	18	17	34	18	16	34	17	17	35	18	17
4	Tự nhiên và xã hội	69	36	33	70	36	34	65	33	32	0			0		
5	Khoa học	0			0			0			66	33	33	65	34	31
6	Lịch sử và Địa lý	0			0			0			70	36	34	64	32	32
7	Âm nhạc	34	18	16	35	18	17	34	18	16	34	17	17	35	18	17
8	Mĩ thuật	35	18	17	34	18	16	31	15	16	35	18	17	35	18	17
9	Công nghệ	0			0			34	18	16	34	17	17	35	18	17
10	Giáo dục thể chất/Thể dục	69	36	33	69	36	33	65	33	32	65	32	33	68	35	33
11	Hoạt động trải nghiệm/Giáo dục tập thể	100	50	50	100	50	50	99	50	49	104	53	51	101	53	48
12	Tin học				0			35	18	17	34	17	17	33	17	16
13	Ngoại ngữ				0			136	70	66	138	70	68	130	66	64
Môn học tự chọn																
1	Ngoại ngữ	65	33	32	69	36	33									
Hoạt động củng cố, tăng cường.																
1	Tiếng Việt tăng cường	60	28	32	65	32	33	33	18	15	0			0		
2	Toán tăng cường	61	29	32	65	32	33	63	33	30	31	15	16	0		
3	Độc thư viện	31	15	16	32	15	17	34	18	16	35	15	16	35	17	16
	Tổng	1081	551	530	1083	551	532	1070	550	520	1085	544	537	1045	539	504

Phụ lục 1.2

Các hoạt động giáo dục tập thể và hoạt động Đội:

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	Tìm hiểu truyền thống nhà trường, làm quen với bạn bè, thầy cô,	Toàn trường	Tuần 1	GVCN	BGH, TPT Đội
		Tuyên truyền về Tháng ATGT - Công trường học an toàn văn minh	Toàn trường	Tuần 1	GVCN	TPT
		Cuộc thi Hát Quốc ca tại các địa chỉ đỏ;	Khối 4	Tuần 2	GVCN lớp 4	TPT
		Liên đội đăng ký CTMN Thư viện ngoài trời cấp phường.	Toàn trường	Tuần 4	GVCN	TPT
Tháng 10	Chăm ngoan - Học giỏi	Chương trình “ <i>Đêm hội trăng rằm</i> ” - thăm và tặng quà thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp tết Trung thu năm 2025	Toàn trường	Tuần 1, 2	GVCN	BGH, TPT Đội PHHS
		Tuyên truyền “Xây dựng tình bạn đẹp, nói không với bạo lực học đường”; “Nói không với rác thải nhựa dùng 1 lần”, Ngày chủ nhật xanh – sạch- đẹp, PCCC, tai nạn thương tích; Đại hội Liên - Chi đội nhiệm kỳ năm 2025 - 2026	Toàn trường	Tuần 3	GVCN	TPT Đội Y tế Phường
Tháng 11	Tôn sư trọng đạo	Tuyên truyền hưởng ứng tháng PCMT - HIV/AIDS – Tội phạm.	Lớp học	Tuần 1	GVCN	TPT Đội CMHS
		Tổ chức Thi Sơn ca chủ đề <i>Tri ân thầy cô</i>	Toàn trường	Tuần 2	TPT Đội GVBM	GVCN CMHS
		Tổ chức: “ <i>Ngày hội Thiếu nhi vui khỏe – Hội khỏe Phù Đổng</i> ”	Toàn trường	Tuần 3	BGH, TPT Đội	GVCN CMHS

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Tổ chức Hội thi “ <i>Cây đàn tuổi thơ</i> ”	Lớp học	Tuần 1	GVCN	TPT Đội CMHS
		Kết nạp đội viên cho HS khối 4	Lớp học	Tuần 3	GVCN	TPT Đội CMHS
Tháng 1	Mừng Đảng Mừng xuân	Liên hoan các CLB Aerobic thành phố	Toàn trường	Tuần 2	BGH, TPT Đội	GVCN CMHS
		Tổ chức ký cam kết phòng chống cháy nổ, pháo nổ, đèn trời	Toàn trường	Tuần 3	BGH, TPT Đội	GVCN CMHS
Tháng 2	Mừng Đảng Mừng xuân	Tổ chức các hoạt động chăm lo, hỗ trợ thiếu nhi nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2026	Toàn trường	Tuần 1	BGH, TPT Đội	GVCN CMHS
		Tổ chức chuyên đề <i>Xuân ấm áp – Tết yêu thương cấp trường</i>	Toàn trường	Tuần 2	BGH, TPT Đội	GVCN CMHS
		Tổ chức Hội thi <i>Nuôi lợn siêu trọng - giúp bạn nghèo vượt khó</i>	Toàn trường	Tuần 4	BGH, TPT Đội	GVCN CMHS
Tháng 3	Tiến bước lên Đoàn	Ngày hội “ <i>Thiếu nhi vui, khỏe - Tiến bước lên Đoàn</i> ”	Lớp học	Tuần 2	GVCN	TPT Đội GVBM
		Cuộc thi Giọng hát hay thiếu nhi Hải Phòng	CLB	Tuần 2	GVCN	TPT Đội GVNKTC
Tháng 4	Hòa bình- Hữu nghị	Hội thi Tin học trẻ Tổ chức Lễ kết nạp Đội cho HS khối 3 Tham gia Hội thi “ <i>Giáo viên Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh giỏi, năm học 2025 - 2026</i> ”	Toàn trường	Tuần 1 Tuần 3	GVTPT	GVCN, GVBM CMHS TPT
Tháng 5	Bác Hồ kính yêu	Các hoạt động kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh (<i>15/5/1941 - 15/5/2026</i>)	Toàn trường	Tuần 2	BGH, TPT Đội	GVCN CMHS

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
		Tổ chức: Đại hội Cháu ngoan Bác Hồ - Ngày hội công nhận chuyên hiệu rèn luyện đội viên - Lễ ra trường của học sinh khối 5 Khai mạc Hoạt động hè - Hưởng ứng Tháng hành động vì trẻ em và Ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6	Toàn trường	Tuần 4	BGH, TPT Đội	GVCN CMHS

Phụ lục 1.3

Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

TT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Học kỹ năng sống	Nhà trường phối hợp tổ chức với Trung tâm đào tạo kỹ năng toàn diện AMERICAN SKILLS tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng Công dân số cho học sinh trong nhà trường	Học sinh lớp 1, 2, lớp 3 và lớp 4	1 tiết/tuần	Tại lớp học	Theo nhu cầu tự nguyện, sự thỏa thuận của cha mẹ học sinh.
2	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài	Nhà trường phối hợp tổ chức với trung tâm ngoại ngữ CET ENGLISH; Trung tâm Toàn lược HQ và Trung tâm Ngoại ngữ E-connect Hải Phòng tổ chức dạy môn tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài cho học sinh các khối lớp.	Học sinh lớp 1, 2, 3, lớp 4, lớp 5.	1 tiết/tuần	Tại lớp học	
3	Ăn trưa	Rửa tay trước khi ăn, ăn bữa chính, thu dọn đồ dùng, rửa tay sau ăn, vệ sinh.	Học sinh lớp 1, 2, 3,4	Từ 10 h15 đến 11h 15h.	Tại lớp học và tại khu nhà ăn	Theo nhu cầu tự nguyện, sự thỏa thuận của cha mẹ học sinh
4	Nghỉ trưa	Tổ chức ngủ trưa, thu dọn chăn, gối.	Học sinh lớp 1, 2,3,4	Từ 11h15 đến 13 h30	Tại lớp học	
5	Ăn bữa phụ	Tổ chức ăn bữa phụ	HS lớp 1, 2,3, 4	Từ 13h30 đến 13h40phút.	Tại lớp học	
6	Củng cố, kiến thức, kỹ năng	Hoạt động tự học, vui chơi có hướng dẫn của giáo viên	Học sinh khối lớp 1, 2,3, 4	Từ 16h5 đến 17h15	Tại lớp học; tại thư viện; tại sân trường	
7	CLB võ thuật, bóng rổ	Hoạt động tập luyện có hướng dẫn của giáo viên trung tâm.	Học sinh khối lớp 1, 2,3, 4,5	Từ 17h 30 đến 19 giờ	Tại sân trường	

Phụ lục 1.a

Phụ lục 1.a. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần/học kì I - Khối lớp 1

HỌC KÌ I																			
Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng số tiết
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	216
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TN-XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
HĐTN	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	2	2	50
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	1	33
TC Toán	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	2	2	0	0	29
TC Tiếng Việt	2	2	2	0	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	2	2	0	0	28
Độc thư viện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	0	15
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	28	32	32	32	32	32	32	25	32	32	32	32	32	25	25	551

HỌC KÌ II

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng số tiết
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	10	12	202
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	16
TN-XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	33
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	33
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	50
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	16
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	32
TC Toán	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	32
TC Tiếng Việt	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	32
Độc thư viện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	16
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	18	32	530

Phụ lục 1.4.1

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	418/420	Giảm 2 tiết
2	Toán	105/105	
3	TNXH	69/70	Giảm 1 tiết
4	Đạo đức	34/35	Giảm 1 tiết
5	HĐTN	100/105	Giảm 5 tiết
6	Tiếng Anh	65/70	Giảm 5 tiết
7	Âm nhạc	33/35	Giảm 2 tiết
8	Mĩ thuật	35/35	
9	GDTC	69/70	Giảm 1 tiết
10	HĐ củng cố tăng cường	121/140	Giảm 19 tiết
11	Đọc. TV	31/35	Giảm 4 tiết
12	Sinh hoạt chuyên môn	18	
13	Các ngày nghỉ trong năm	8	
14	Tổng số tiết học kì I	551	Giảm 1 tiết TNXH, 1 tiết Đạo đức, 5 tiết HĐTN, 2 tiết AN, 1 tiết GDTC, 15 tiết tăng cường, 3 tiết Đọc TV
15	Tổng số tiết học kì II	530	Giảm 02 tiết TV, 04 tiết TA, 4 tiết tăng cường, 1 tiết Đọc TV

Phụ lục 1.b

Phụ lục 1.b. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần/học kì I - Khối lớp 2

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng số tiết
Tiếng Việt	10	10	10	9	10	10	10	10	10	10	8	10	10	10	10	10	8	8	173
Toán	6	4	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	4	4	87
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TN-XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
HĐTN	2	4	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	2	2	50
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
TC Toán	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	1	32
TC Tiếng Việt	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	1	32
Đọc TV	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	0	15
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	28	32	32	32	32	32	32	25	32	32	32	32	32	25	25	551

Phụ lục 1.b. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần/học kì I - Khối lớp 2

HỌC KÌ 2

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng số tiết
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	6	10	166
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	5	83
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TN-XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	33
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	50
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	16
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	33
TC Toán	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	33
TC Tiếng Việt	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	33
Đọc TV	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	19	32	532

Phụ lục 1.4.2**TỔNG HỢP**

TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	335/350	Giảm 15 tiết
2	Toán	170/175	Giảm 5 tiết
3	TNXH	70/70	
4	Đạo đức	35/35	
5	HĐTN	100/105	Giảm 5 tiết
6	Tiếng Anh	70/70	
7	Âm nhạc	35/35	
8	Mĩ thuật	34/35	Giảm 1 tiết
9	GDTC	69/70	Giảm 1 tiết
10	HĐ củng cố tăng cường	130/140	Giảm 10 tiết
11	Đọc. TV	31/35	Giảm 4 tiết
12	Sinh hoạt chuyên môn	78	
13	Các ngày nghỉ trong năm	5 ngày	
14	Tổng số tiết học kì I	551/576	Giảm 7 tiết TV, 3 tiết Toán, 8 tiết tăng cường, 4 tiết HĐTN, 3 tiết Đọc Thư viện
15	Tổng số tiết học kì II	532/544	Giảm 4 tiết TV, 2 tiết Toán, 1 tiết HĐTN, 1 tiết GDTC, 1 tiết Mỹ thuật, 1 tiết Đọc Thư viện, 2 tiết tăng cường

Phụ lục 1c**Phụ lục 1.c. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần/học kì I - Khối lớp 3**

HỌC KÌ I																			
Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng số tiết
Tiếng Việt	7	7	7	6	7	7	7	7	7	7	6	7	7	7	7	7	6	6	122
Toán	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	4	4	86
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TN-XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	1	33
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	1	33
HĐTN	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	2	2	50
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	0	15
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Anh	4	4	4	2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	70
TC Toán	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	1	33
TC Tiếng Việt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Độc thư viện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	27	32	32	32	32	32	32	25	32	32	32	32	32	25	25	550

Phụ lục 1.c. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần/học kì II - Khối lớp 3

HỌC KÌ II																		
Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng số tiết
Tiếng Việt	7	7	7	7	5	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	6	7	116
Toán	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	83
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	16
TN-XH	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	32
GDTC	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	32
HĐTN	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	49
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	16
Mĩ thuật	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	16
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	16
Tiếng Anh	4	4	4	4	2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	66
TC Toán	2	2	2	2	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	30
TC Tiếng Việt	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	15
Độc thư viện	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	16
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	19	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	21	32	520

Phụ lục 1.4.3

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	238	
2	Toán	169	
3	TNXH	55	
4	Đạo đức	34	
5	HĐTN	99	
6	Tiếng Anh	136	
7	Âm nhạc	34	
8	Tin học	35	
9	Công nghệ	34	
10	Mĩ thuật	31	
11	GDTC	65	
12	HĐ củng cố tăng cường	96	
13	Đọc. TV	34	
12	Sinh hoạt chuyên môn	18	
13	Các ngày nghỉ trong năm	8	
14	Tổng số tiết học kì I	550	
15	Tổng số tiết học kì II	520	

Phụ lục 1d

Phụ lục 1.d. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần/học kì I - Khối lớp 4

HỌC KÌ I																			
Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng số tiết
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	5	7	5	7	7	7	7	7	5	5	118
Toán	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	4	4	86
Đạo đức	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
LS-ĐL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	1	32
HDTN	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	53
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	1	33
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	70
TC Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	0	15
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Độc thư viện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	0	15
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	28	32	32	32	32	25	32	25	32	32	32	32	32	25	25	544

Phụ lục 1.4.4

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	235	
2	Toán	170	
3	Đạo đức	34	
4	LS-ĐL	70	
5	GDTC	55	
6	HĐTN	104	
7	Khoa học	66	
8	Công nghệ	34	
9	Tin học	34	
10	Âm nhạc	34	
11	Tiếng Anh	138	
12	TC Toán	31	
13	Mĩ thuật	35	
14	Độc thư viện	31	
16	Các ngày nghỉ trong năm	9	
14	Tổng số tiết học kì I	544	Giảm 32 tiết
15	Tổng số tiết học kì II	537	Giảm 7 tiết

Phụ lục 1e

Phụ lục 1.a. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần/học kì I – Khối lớp 5

HỌC KÌ I																			
Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng số tiết
Tiếng Việt	7	7	7	6	7	6	8	7	6	7	7	7	7	7	7	7	7	7	124
Toán	5	5	5	4	5	6	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	89
Lịch sử 0 Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	2	2	2	2	2	1	1	32
Khoa học	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	3	1	2	2	2	2	2	2	34
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	35
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	4	4	4	4	4	2	2	66
HĐTN	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	53
Độc TV	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	0	2	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết/tuần	31	31	31	24	31	31	31	31	28	31	28	31	31	31	31	31	28	28	539

HỌC KÌ II

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng số tiết
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	4	7	6	115
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	2	5	4	81
Lịch sử - Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	-	31
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	32
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	33
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	-	1	1	16
Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	-	4	4	64
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	2	48
Đọc TV	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	-	1	1	16
Tổng số tiết/tuần	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	14	31	25	504

Phụ lục 1. 4. 5

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	239	
2	Toán	170	
3	Lịch sử - Địa lý	63	
4	Khoa học	66	
5	Đạo đức	35	
6	GDTC	68	
7	Công nghệ	35	
8	Tin học	33	
9	Mỹ thuật	35	
10	Âm nhạc	35	
11	Tiếng Anh	130	
12	HĐTN	101	
13	Đọc TV	33	
14	Các ngày nghỉ trong năm	11	
15	Tổng số tiết học kì I	539	Giảm 19 tiết
16	Tổng số tiết học kì II	504	Giảm 23 tiết